

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH T T H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **50/2024/HNGĐ-ST**

Ngày 05/6/2024

“*V/v Xin ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH T T H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tú Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Trực.

2. Bà Trần Thị Bích Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trinh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh T T H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh T T H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn PH Hồng, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, số 60 N H, phường V N, thành phố H, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 159/2024/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 03 năm 2023 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2024/QĐ- ST ngày 23 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm 1968.

Địa chỉ: số 71 N V T, phường T A, thành phố H, tỉnh T T H. Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1966

Địa chỉ: Số 8/9 T T, phường T A, thành phố H, tỉnh T T H. Vắng mặt lần 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Cẩm H và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trước khi kết hôn bà H và ông H có thời gian tìm hiểu được khoảng thời gian ngắn thì tiến hành kết hôn theo phong tục truyền thống. Vào ngày 03/10/1988, hai bên tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T A, tỉnh B T T (nay là phường T A, thành phố H, tỉnh T T H). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ ông H thôn A H, xã T A, huyện P V, tỉnh T T H (nay là phường T A, thành phố H, tỉnh T T H). Quá trình chung sống trong thời gian đầu vẫn chung sống bình thường, đến khoảng năm 1991 đến nay thì bà H nhận thấy ông H có nhiều mối quan hệ không trong sáng với nhiều người phụ nữ khác, chính vì lý do này nên ông H có thái độ không tôn trọng bà, khiến vợ chồng cãi vã, sống không hạnh phúc, đồng thời ông H cũng không làm

tròn trách nhiệm làm chồng làm cha trong gia đình. Đến khoảng tháng 2/2024, khi bà phát hiện ông H có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác ngay tại nhà vợ chồng đang ở, có trích xuất camera ghi rõ những hình ảnh ông H thân mật với người phụ nữ này thì bà đã bỏ về nhà bố mẹ bà ở địa chỉ 67 H Q, phường T A, thành phố H, tỉnh T T H. Trong thời gian bà H bỏ về nhà bố mẹ bà để ở thì ông H không có động thái gì muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng. Nay bà H nhận thấy bà không còn tình cảm với ông H, mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục được nên bà kiên quyết xin được ly hôn với ông H. Dù ông H có không đồng ý ly hôn thì bà vẫn kiên quyết ly hôn vì thực tế bà đã cho ông H rất nhiều cơ hội để thay đổi lối sống nên giờ bà hoàn toàn mất niềm tin đối với ông H, dù ông H có hứa hẹn sẽ thay đổi thì chỉ là lời nói chứ không bao giờ thực hiện được.

Về con chung: Giữa bà và ông H có 02 con chung là Nguyễn Thị Cẩm D, sinh ngày 10/06/1989 và Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 13/08/1999. Hiện nay các con chung đã thành niên nên bà không có ý kiến gì, không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông H tự giải quyết về tài sản chung. Giữa bà và ông H không có nợ chung không yêu cầu Toà án giải quyết.

Phần trình bày của bị đơn – ông Nguyễn Văn H:

Trước khi kết hôn ông và bà H có thời gian tìm hiểu được một thời gian khoảng 03-04 năm rồi kết hôn và tiến hành kết hôn theo phong tục truyền thống. Vào ngày 03/10/1988 hai bên tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T A, tỉnh B T T (nay là phường T A, thành phố H, tỉnh T T H). Sau khi kết hôn vợ chồng ở với nhà bố mẹ ông tại thôn A H, xã T A, huyện P V (nay là thành phố H) để sinh sống. Quá trình chung sống thì ông nhận thấy cuộc sống vẫn bình thường, không có gì mâu thuẫn lớn. Chỉ đến khoảng năm 2021- 2022 thì ông thấy biểu hiện bà H không còn quan tâm ông nữa, sống lạnh nhạt với ông. Ông thừa nhận khoảng tháng 2/2024 ông có mối quan hệ không trong sáng với một người phụ nữ và bị bà H bắt gặp. Chính sự việc này khiến vợ chồng ông cãi vã, xô ẩu nhau và cũng chính lý do này đã khiến bà H bỏ về nhà bố mẹ bà H ở địa chỉ 67 Hoàng Quang, phường T A, thành phố H, tỉnh T T H. Từ khi sống ly thân, bà H không còn quan tâm gì đến ông và trong thời gian bà H bỏ đi thì ông rất hối hận về hành vi của mình và mong muốn bà H bỏ qua lỗi lầm của ông để vợ chồng hàn gắn vì thực tế vợ chồng đã lớn tuổi, con cái đã lập gia đình nếu ly hôn thì ảnh hưởng đến cuộc sống trong gia đình. Phương án đoàn tụ của ông H đưa ra là ông cam kết sẽ từ bỏ các mối quan hệ sai trái, tập trung phụ bà H kinh doanh để vợ chồng hàn gắn lại với nhau. Nay bà H xin ly hôn ông thì ông không đồng ý ly hôn vì ông nhận thấy vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng để dẫn đến ly hôn.

Về con chung: Giữa ông và bà H có 02 con chung là Nguyễn Thị Cẩm D, sinh ngày 10/06/1989 và Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 13/08/1999. Hiện nay các con chung đã thành niên nên ông không có ý kiến gì.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông và bà H tự giải quyết về tài sản chung. Giữa ông và bà H không có nợ chung không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh T T H có ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Bộ luật tố tụng Dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Cẩm H được ly hôn với ông Nguyễn Văn H; Về con chung: Các con chung đã thành niên nên vấn đề nuôi con không đặt ra; Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng bà H ông H tự giải quyết về tài sản chung, không có nợ chung nên không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Cẩm H xin ly hôn với ông Nguyễn Văn H. Ông H hiện cư trú phường T A, thành phố H, tỉnh T T H. Căn cứ vào Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh T T H.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn – ông Nguyễn Văn H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử vẫn xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Cẩm H và ông Nguyễn Văn H kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T A, tỉnh B T T (nay phường T A, thành phố H, tỉnh T T H) vào ngày 03/10/1988 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa bà H và ông H nảy sinh nhiều mâu thuẫn, sống không hạnh phúc. Nay bà H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải giữa các bên đương sự về hướng khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, mặc dù ông H không đồng ý ly hôn nhưng ông không đưa ra được phương án để đoàn tụ vợ chồng. Qua tham khảo ý kiến của các thành viên trong gia đình ông H và bà H đều cho thấy mâu thuẫn vợ chồng bà H và ông H đã kéo dài từ nhiều năm nhưng không khắc phục được, họ đều có ý kiến là đề nghị Tòa án cho bà H được ly hôn ông H. Tòa án đã tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, bị đơn – ông H mặc dù đã nhận được các văn bản tố tụng liên quan đến thời gian, địa điểm mở phiên tòa nhưng vẫn không đến Tòa án tham gia phiên tòa. Điều này chứng tỏ ông H cũng không mong muốn đoàn tụ vợ chồng như ông H đã trình bày.

Hội đồng xét xử thấy rằng qua ý kiến của các đương sự và qua kết quả xác minh của Tòa án cho thấy mâu thuẫn vợ chồng bà H và ông H đã trầm trọng, không thể khắc

phục đoàn tụ vợ chồng. Do đó việc bà Nguyễn Thị Cẩm H xin được ly hôn ông Nguyễn Văn H là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận.

[2.2]. Về con chung:

Bà Nguyễn Thị Cẩm H và ông Nguyễn Văn H có 02 con chung là Nguyễn Thị Cẩm D, sinh ngày 10/06/1989 và Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 13/08/1999. Hiện nay các con chung đã thành niên, bà H và ông H không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung:

Bà Nguyễn Thị Cẩm H và ông Nguyễn Văn H xác định vợ chồng tự giải quyết về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4]. Về nợ chung:

Bà Nguyễn Thị Cẩm H và ông Nguyễn Văn H xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Cẩm H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 35, Điều 39, Điều 143, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016, Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Cẩm H. Cho bà Nguyễn Thị Cẩm H được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Các con chung Nguyễn Thị Cẩm D, sinh ngày 10/06/1989 và Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 13/08/1999 đã thành niên, bà H và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Cẩm H và ông Nguyễn Văn H xác nhận tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Cẩm H và ông Nguyễn Văn H xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Cẩm H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà H đã nộp số tiền 300.000 đồng

tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh T T H (theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003252 ngày 12 tháng 03 năm 2023) nên được khấu trừ, khỏi phải nộp.

6. Án sơ thẩm xét xử công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố H;
- TAND tỉnh TT Huế;
- Chi cục THADS tp Huế;
- Ủy ban nhân dân phường
T A, tp Huế;
- Dương sự;
- Tổ HC-Tp;
- Lưu hs;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tú Loan